

Bản án số: 45/2019/HSST
Ngày 17/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Điều Thị Hương, nghề nghiệp: Giáo viên

Bà: Đỗ Thị Như, nghề nghiệp : Công chức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, là thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/ QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999 tại Bình Phước; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: ấp Tân Phú, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; họ tên cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1972, họ tên mẹ: Đặng Thị Thu H, sinh năm: 1980; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 03 anh E (anh lớn sinh năm 1995, E nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/3/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 04/8/2001 tại Bình Phước; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: ấp Tân Hội, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Họ tên cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979, họ tên mẹ: Võ Thị C, sinh năm: 1983; Bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 01 người E sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra (có mặt).

3. Võ Văn G, sinh năm 1986 tại Campuchia; giới tính: Nam; tên gọi khác: Út lớn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: ấp Tân Lợi, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Họ tên cha: Võ Văn Á (đã chết), họ tên mẹ: Võ Thị L, sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ tên Phùng Thị Linh P; bị cáo có 01 người con nhỏ sinh năm 2007; bị

cáo có 06 anh chi (lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/3/2019 cho đến nay (có mặt).

4. Lê Bảo Quốc E, sinh năm 1991 tại Trà Vinh; giới tính: Nam; tên gọi Nhí; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: ấp 03, xã Thanh Hòa, huyện B, tỉnh Bình Phước; họ tên cha: Lê Văn T, sinh năm: 1962, họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 02 người anh (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1988; Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 17/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng 10 ngày về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số: 21/2013/HSST; ngày 29/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/3/2019 cho đến nay (có mặt).

5. Lê T, sinh năm 1990 tại Bình Phước; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: ấp Tân Lập, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; họ tên cha: Lê Văn G, sinh năm: 1957, họ tên mẹ: Lê Thị L, sinh năm: 1959; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 02 anh chi (anh sinh năm 1979, chị sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/3/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Những người bị hại:

- Chị: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; HKTT: ấp 04, xã Thanh Hòa, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị: Trần Thị T, sinh năm: 1989; HKTT: ấp 54, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

- Ông: Thân Văn S, sinh năm: 1971; HKTT: ấp Tân Phú, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:* ông Dương Tất Phú – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước.

4. *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn S:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp Tân Hội, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (ông Hải là cha đẻ của bị cáo S).

5. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông: Thạch R, sinh năm: 1985; HKTT: ấp Tân Hòa, xã Tân Tiến, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt)

- Bà: Võ Thị N, sinh năm: 1979; HKTT: ấp Tân Phú, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước(có mặt)

- Ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1972; HKTT: ấp Tân Phú, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước(có mặt)

- Bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963; HKTT: ấp 03, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Bà: Hứa Thị Ngọc Á, sinh năm: 1990; HKTT: ấp Tân Phong, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 12/01/2019, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô hiệu Delight, biển số 93T1-2744 chở Nguyễn Văn S (sinh ngày 04/08/2001) đi tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Khi chạy ngang qua nhà chị Nguyễn Thị T ở ấp Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện B thì Đ và S phát hiện thấy một xe đạp điện hiệu Martin, màu xanh dựng cạnh gốc điều (cách nhà khoảng 2m), không có người trông coi. Đ dừng xe đứng ở ngoài cảnh giới, còn S đi vào chỗ để xe (xe có sẵn chìa khóa), dắt xe đạp điện ra ngoài và điều khiển chạy về hướng xã A, Đ điều khiển xe mô tô chạy phía sau. Cả hai mang xe đạp điện về nhà Võ Bích Quyền ở ấp Tân Phú, xã A cất giấu. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Lê T đến nhà Quyền chơi thấy xe đạp điện nên hỏi S “xe đạp điện ở đâu ra”, S trả lời “xe lấy trộm ở xã Tân Tiến”. T biết rõ xe đạp điện là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn hỏi mua. Do xe bị hư dây điện nên S và T mang xe đến các tiệm sửa xe ở xã A sửa nhưng không được. Đến 10 giờ ngày 14/01/2019, T mang xe đạp điện đến tiệm sửa xe của anh Thạch R để sửa, do không đủ tiền sửa xe nên T đã bán xe đạp điện cho anh Thạch R với giá 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn), số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận từ ngày 12/01/2019 đến ngày 01/3/2019 cùng đồng phạm thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của người khác cụ thể:

Lần thứ nhất:

Khoảng 14 giờ ngày 27/01/2019, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Delight, biển số 93T1-2744 rủ S đi Lộc Ninh. Khi đi ngang nhà chị Trần Thị T ở xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, thấy nhà khóa cửa nhưng cổng không khóa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S nói Đ dừng xe, S xuống xe mở cổng, Đ chạy xe vào trong sân. Đ dùng 01 mỏ lết dài 20,5 cm, hiệu Maxpower (mang theo sẵn để trong cốp xe) bẻ gãy song cửa sổ để S chui vào trong nhà; S vào nhà, mở cửa sau nhà cho Đ vào. Cả hai lấy trộm 01 tivi màu đen, nhãn hiệu Asanzo, kích thước màn hình là 21inch, 01 bình ắc quy Đồng Nai N100, 01 máy cắt cỏ màu đen-cam, 01 đầu kỹ thuật số K+, 02 cục biến thế loại DC:12V-AC:220V (300W) và loại DC:12V-AC:220V (180W), một bịch nylon bên trong có 28.000 đồng (hai mươi tám nghìn đồng). Sau đó, Đ và S chở toàn bộ tài sản lấy trộm được về xã A thì bị Công an xã A phát hiện bắt giữ.

Lần thứ hai:

Khoảng 02 giờ ngày 01/3/2019, Võ Văn G rủ Nguyễn Văn Đ, Lê Bảo Quốc E đến nhà gỗ bỏ hoang thuộc xã A, huyện B (cách nhà Quyền khoảng 50m)

để bàn bạc về việc lấy trộm tài sản nhà ông Thân Văn S ở ấp Tân Phú, xã A. G nói Đ bẻ khóa nhà, Đ nói quen với ông S nên không bẻ, G nói E bẻ khóa, E đồng ý. Sau đó, Đ dẫn E đi bộ đến nhà ông S, chỉ nhà cho E và đưa 01 mỏ lết, dài khoảng 30cm cho E bẻ khóa. Lúc này, Đ và G ở nhà hoang chờ, E đi đến nhà ông S, dùng mỏ lết bẻ khóa cửa kéo và cửa sắt, E vào nhà lấy trộm 01 tượng gỗ Di lặc, loại gỗ lim, kích thước (30x50) cm mang về nhà hoang đưa cho G mang vào trong nhà cất giấu. E nói với Đ và G “bẻ khóa xong rồi vào lấy đi”; Đ và E quay lại nhà ông S, Đ vào nhà lấy 02 cái lục bình loại gỗ lim, kích thước (28x80)cm và 01 cái lục bình loại gỗ lim, kích thước (28x50)cm, E lấy 02 tượng đá sư tử, miệng ngậm ngà voi (bằng đá), kích thước (15x40) cm. Cả hai quay lại nhà hoang đưa cho G mang vào trong nhà cất giấu. Sau đó, Đ quay lại tiếp tục lấy 01 tivi nhãn hiệu Samsung, loại 32 inch, màu đen mang về nhà hoang. Đ và G quay lại nhà ông S, Đ lấy 02 chân ly hương, loại gỗ cẩm lai, kích thước (30x60) cm, G lấy 03 tượng gỗ Phúc Lộc Thọ, loại gỗ gõ đỏ, kích thước (15x40) cm mang về nhà hoang. Đến 04 giờ cùng ngày, E lấy 02 tượng đá sư tử, miệng ngậm ngà voi đi qua Campuchia, còn G và Đ chở tượng gỗ Di lặc, tivi Samsung, 03 tượng gỗ Phúc Lộc Thọ về nhà Đ cất giấu, 03 cái lục bình để lại nhà hoang. Sau đó, G chở tượng gỗ Di lặc, 03 tượng gỗ Phúc Lộc Thọ, 02 chân ly hương về cất giấu tại vườn thuộc ấp Tân Lợi, A. Đ lấy 03 cái lục bình đổi ma túy cho một người tên Cu (không rõ nhân thân lai lịch) để sử dụng. Đ và G mang tivi bán cho Hứa Thị Ngọc Ánh với giá 2.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2019, G giao nộp tượng gỗ Di lặc, 02 chân ly hương cho Cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số 38/CTr-VKS ngày 01/7/2019, VKSND huyện B truy tố các bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S và Võ Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Truy tố bị cáo Lê Bảo Quốc E về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Truy tố bị cáo Lê T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ phạt giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn khẳng định các bị cáo có hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Võ Văn G, Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Bảo Quốc E phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Lê T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Bị cáo Lê Bảo Quốc E đề nghị xử phạt từ 02 năm đến 03 năm tù.
- Bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị xử phạt từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.
- Bị cáo Võ Văn G đề nghị xử phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.
- Bị cáo Nguyễn Văn S đề nghị xử phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi.
- Bị cáo Lê T đề nghị xử phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S đồng ý với những gì vị đại diện Viện Kiểm sát đưa ra đối với bị cáo S, và cho rằng bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” vì tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trên quy định tại điểm h Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và đưa ra mức án đề nghị cho bị cáo S 07 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T là mẹ của bị cáo E bồi thường 3.000.000đ, ông Nguyễn Văn Đ là bố của bị cáo G bồi thường 3.000.000đ, bà Võ Thị Nữ là mẹ của bị cáo Đ bồi thường 4.000.000đ cho bị hại ông Thân Văn S tổng số tiền là 10.000.000đ, ông không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ cho các bị cáo về hình phạt.

Những người bị hại bà Nguyễn Thị T, Trần Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, về hình phạt không có ý kiến.

Đối với ông Thạch Rô đã bỏ số tiền 1.700.000đ để mua chiếc xe đạp điện của Lê T, ông không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên và không có ý kiến gì thêm.

Đối với các bà Tám, bà Nữ, ông Đắc là bố mẹ của các bị cáo đã thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa cũng không có yêu cầu các bị cáo trả lại cho mình số tiền trên.

Đối với bà Hứa Thị Ngọc Á bỏ 2.000.000đ mua tivi sam sung của bị cáo G và Đ mang bán, bà Ánh đã giao nộp lại chiếc ti vi cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu các bị cáo hoàn lại số tiền trên cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiền hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về nội dung:

Khoảng 00 giờ ngày 12/01/2019, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn S đi tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Khi chạy ngang qua nhà chị Nguyễn Thị T ở ấp Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện B thì Đ và S phát hiện thấy một xe đạp điện hiệu Martin, màu xanh dựng cạnh gốc điều (cách nhà khoảng 2m), không có người trông coi. Đ dừng xe đứng ở ngoài cạnh giới, còn S đi vào dắt xe đạp điện sau đó mang xe đạp điện về nhà Võ Bích Quyền ở ấp Tân Phú, xã A cất giấu. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Lê T đến nhà Quyền chơi thấy xe đạp điện nên hỏi về nguồn gốc xe và biết xe trộm cắp nhưng vẫn hỏi mua và S đồng ý bán cho Lê T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/2019/BKL-ĐGTS ngày 08/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: 01 xe đạp điện nhãn hiệu Martin, màu xanh, số động cơ 01340, chất lượng sử dụng 70% , trị giá là 6.650.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 14 giờ ngày 27/01/2019, Đ điều khiển xe mô tô rử S đi Lộc Ninh. Khi đi ngang nhà chị Trần Thị T ở xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, thấy nhà khóa cửa nhưng cổng không khóa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. sau khi mở cổng vào nhà Đ dùng 01 mỏ lết bẻ gãy song cửa sổ để S chui vào trong nhà; S vào nhà, mở cửa sau nhà cho Đ vào. Cả hai lấy 01 tivi màu đen, nhãn hiệu Asanzo, 01 bình ắc quy Đồng Nai N100, 01 máy cắt cỏ màu đen-cam, 01 đầu kỹ thuật số K+, 02 cục biến thế loại DC:12V-AC:220V (300W) và loại DC:12V-AC:220V (180W), một bịch nylon bên trong có 28.000 đồng (hai mươi tám nghìn đồng). Sau đó, Đ và S chở toàn bộ tài sản lấy trộm được về xã A thì bị Công an xã A phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/02/2019/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lộc Ninh xác định: Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn).

Vụ thứ 3:

Khoảng 02 giờ ngày 01/3/2019, do Võ Văn G biết nhà ông Thân Văn S khóa cửa không có người trông coi, G rử Nguyễn Văn Đ, Lê Bảo Quốc E cùng tham gia. E đi đến nhà ông S, dùng mỏ lết bẻ khóa cửa kéo và cửa sắt, E vào nhà lấy trộm 01 tượng gỗ Di lặc, sau đó Đ và E quay lại nhà ông S, Đ vào nhà lấy 02 cái lục bình và 01 cái lục bình loại gỗ lim, E lấy 02 tượng đá sư tử, miệng ngậm ngà voi (bằng đá). Cả hai quay lại nhà hoang đưa cho G mang vào trong nhà cất giấu. Sau đó, Đ quay lại tiếp tục lấy 01 tivi nhãn hiệu Samsung, Đ lấy 02 chân ly hương, G lấy 03 tượng gỗ Phúc Lộc Thọ, loại gỗ gõ đỏ, kích thước (15x40) cm mang về nhà hoang. Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/2019/BKL-ĐGTS ngày 13/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: Tổng trị giá tài sản trên là 8.255.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn).

Do đó hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Võ Văn G, Nguyễn Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Lê Bảo Quốc E đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Lê T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Võ Văn G, Lê Bảo Quốc E, Lê T là người đã thành niên, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc phân công cụ thể công việc, không thỏa thuận ăn chia trước với nhau. Các bị cáo phạm tội mang tính nhất thời, tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò của các bị cáo nhằm cá thể hóa hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn Đ là người tham gia cả 03 lần phạm tội với vai trò chính, bị cáo Nguyễn Văn S tham gia 02 lần, các bị cáo Võ Văn G, Lê Bảo Quốc E tham gia 01 lần với vai trò đồng phạm giúp sức. Nên trong vụ án này bị cáo Đ có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, sau đó đến bị cáo S tuy nhiên bị cáo S khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các điều luật tại chương XII đối với người dưới 18 tuổi của Bộ luật hình sự, tiếp đến là bị cáo G, E có mức độ vai trò tương đương nhau. Nhưng bị cáo E lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm do đó phải chịu hình phạt tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng:

Trong lần xét xử này các bị cáo Nguyễn Văn Đ đã cùng các đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản; Nguyễn Văn S đã cùng đồng phạm thực hiện 02 lần trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ rủ rê bị cáo S phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Bảo Quốc E đã có 02 tiền án nhưng là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra: các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Võ Văn G, Lê Bảo Quốc E đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S, Lê T được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo G, T đang phải nuôi con còn nhỏ, bị cáo Đ gia đình thuộc diện khó khăn, tài sản đã thu hồi được trả lại cho bị hại và bị hại không có ý kiến gì thêm đây là các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Đối với Lê T ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án(25/01/2019) về tội “Đánh bạc”. Do vậy lần phạm tội này(ngày 12/01/2019) xảy ra trước ngày tuyên án, nên bản án cho hưởng án treo của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước không tổng hợp với bản án này mà bị cáo phải thi hành song song cả hai bản án.

Đối với hai bị cáo Võ Văn G, Lê T có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã bị tạm giữ, tạm giam hơn 06 tháng chỉ cần áp dụng hình phạt tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam đối với các bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo; đối với bị cáo Nguyễn Văn S khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao bị cáo về địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo là vị thành niên.

Đối với tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội là đã gây ra hậu quả rồi, còn gây thiệt hại không lớn trong vụ án này bị cáo S tham gia hai lần phạm tội với tổng số tiền chiếm đoạt 9.800.000đ là không phải gây thiệt hại không lớn như người bào chữa của bị cáo đưa ra, nên không được chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

Vật chứng: Đối với 01 chiếc Mỏ lét dài 20,5cm, hiệu Maxpower, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Delight, biển số 93T1-2744 của ông Nguyễn Văn Đắc, ông Đắc là chủ sở hữu và không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT trả lại cho ông Đắc là có căn cứ nên HĐXX không xét

Đối với 01 (một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Martin, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T là có căn cứ nên HĐXX không xét

Đối với 01 (một) chiếc tivi màu đen, nhãn hiệu Asanzo, 01 (một) bình ắc quy Đồng Nai N100, 01 (một) máy cắt cỏ màu đen-cam, 01 (một) đầu kỹ thuật số

K+, 02 (hai) cục biến thế và 28.000 đồng (hai mươi tám nghìn) đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chị Trần Thị T là có căn cứ nên HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với 01 (một) ti vi Samsung, tượng gỗ Di lặc, 02 (hai) chân ly hương cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Thân Văn S là có căn cứ nên HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với một chiếc mỏ lết dài 30cm là công cụ phạm tội, tuy nhiên cơ quan CSĐT không thu hồi được nên HĐXX không đề cập xử lý

Đối với Hứa Thị Ngọc Ánh đã có hành vi mua lại chiếc tivi nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ nên HĐXX không xét.

Đối với Thạch Rô đã có hành vi mua lại chiếc xe đạp điện nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ nên HĐXX không xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với các bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S, Võ Văn G, Lê Bảo Quốc E phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 08/3/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 90; Điều 91; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Lê Bảo Quốc E 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam(ngày 15/3/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn G 06(sáu) tháng 02(hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 15/3/2019).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê T 06(sáu) tháng 09(chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 08/3/2019).

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Võ Văn G, bị cáo Lê T ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

2. Vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 mô lét dài 20,5cm, hiệu Maxpower

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007590 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

3. Án phí:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

